TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Ông Dương Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Trúc P, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Hà Linh Dương, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã Đ1, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 01 tháng 8 năm 2019, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà P) trình bày:*

Bà P và ông D chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện M, tỉnh B vào ngày 18/12/2013.

Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc; bà P và ông D không sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Bà P quyết định làm đơn ly hôn với ông D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hà Bảo D, sinh ngày 19/11/2013. Bà P yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Đối với bị đơn ông Hà Linh D:***

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông D biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà P khởi kiện ông D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông D hiện đang cư trú tại ấp Đ, xã Đ1, huyện D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà P và ông D chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh B ngày 18/12/2013.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay xảy ra gây cải nhau. Từ năm 2015, bà P và ông D đã không còn sống chung. Ông D sinh sống tại xã Đ, huyện D, tỉnh B còn bà P sinh sống tại xã H, huyện M, tỉnh B cho đến nay. Vì vậy, bà P làm đơn xin ly hôn với ông D.

[3] Bà Phương xin ly hôn với ông D, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông D nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông D vẫn

không có mặt. Điều này cho thấy ông D không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, theo các biên bản xác minh ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Tòa án đối với bà Cao Thị T (mẹ ruột của ông D), hàng xóm của ông D và ban lãnh đạo ấp Đ, xã Đ1 xác định được nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Bà P và ông D không sống chung với nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông D không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà P và ông D có 01 con chung Hà Bảo D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2013. Bà P đang nuôi con và bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu D đang sống chung với bà P. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ em nên tiếp tục giao cháu D cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[6] Tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Trúc P đối với ông Hà Linh D về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Trúc P ly hôn với ông Hà Linh D.

+ Về con chung: Giao cho bà Dương Thị Trúc P trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Bảo D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2013.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị Trúc P không yêu cầu ông Hà Bảo D cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Trúc P chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031886 ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Anh Tuấn